

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 154/2024/DS-ST

Ngày: 23 – 7 – 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, Sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983. (Văn bản uỷ quyền ngày 229/2023) (có mặt)

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1/ Ông Lâm Văn H, Sinh năm: 1976. (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị T1, Sinh năm: 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2024 nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Vào ngày 20/11/2022 âm lịch bà Lê Thị T có cho ông Lâm Văn H và vợ bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất theo thoả thuận, thời hạn vay 03 tháng. Khi vay ông H và bà T1 có thể chấp hợp đồng giao khoán đất rừng và diện tích mặt nước tại thửa số 30, khoảnh số 2, tiểu khu H, diện tích 3,32 ha tọa lạc tại ấp S,

xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau do bà T1 đứng tên. Sau khi vay thì ông H và bà T1 đóng lãi được 02 tháng thì ngưng đóng cho đến nay. Bà T đã liên hệ nhiều lần nhưng ông H và bà T1 vẫn không trả nợ. Nay yêu cầu giải quyết buộc ông H và bà T1 trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày ngưng đóng lãi là 24.900.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho ông H và bà T1 hợp đồng giao khoán đất rừng và diện tích mặt nước tại thửa số 30, khoảnh số 2, tiểu khu H, diện tích 3,32 ha tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Quá trình vay bị đơn đã đóng lãi được 03 tháng (tháng 12/2022, tháng 01/2023 và tháng 02/2023 âm lịch). Nay vẫn giữ quan điểm yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vốn 100.000.000 đồng, lãi từ ngày ngưng đóng 20/3/2023 âm lịch đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông H trình bày: Về nội dung giao kết hợp đồng vay như nguyên đơn trình bày là đúng, quá trình vay ông đã đóng lãi được 03 tháng. Nay đồng ý cùng với bà T1 liên đới thanh toán số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn, đối với số tiền lãi đã thanh toán vượt quy định không yêu cầu đối trừ và đồng thời yêu cầu được trả dần.

- Bà T1 vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị T khởi kiện ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 liên đới trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 cùng cư trú tại ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà T1.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Vào ngày 20/11/2022 âm lịch bà T có cho ông H và bà T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng. Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng vay ông H và bà T1 đã giao

hợp đồng giao khoán đất rừng và diện tích mặt nước tại thửa số 30, khoảnh số 2, tiểu khu H, diện tích 3,32ha tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau do bà T1 đứng tên cho bà T quản lý. Nay yêu cầu giải quyết buộc ông H và bà T1 trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày ngưng đóng đến ngày xét xử. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp “Hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/11/2022” có ông H ký xác nhận. Tại phiên toà ông H thừa nhận có vay của bà T 100.000.000 đồng nay đồng ý cùng với bà T1 thanh toán cho bà T vốn, lãi phát sinh và yêu cầu được trả dần. Mặc dù, tại hợp đồng ngày 20/11/2022 bà T1 không ký tên nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà T1 không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà T cung cấp. Xét thấy, từ khi vay đến nay ông H, bà T1 không thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Ông H và bà T1 là vợ chồng nên phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T1 liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà T yêu cầu lãi theo quy định pháp luật từ ngày ngưng đóng ngày 20/03/2023 âm lịch (ngày 09/5/2023 dương lịch) đến ngày 23/7/2024 là: 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 năm 02 tháng 14 ngày = 24.040.000 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi là 124.040.000 đồng. Về thời gian và phương thức thanh toán nợ hai bên tự thoả thuận tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông H và bà T1 liên đới trả cho bà T tổng số tiền vốn và lãi là 124.040.000 đồng là có căn cứ. Trường hợp ông H và bà T1 chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Bà T có trách nhiệm trả cho ông H và bà T1 hợp đồng giao khoán đất rừng và diện tích mặt nước tại thửa số 30, khoảnh số 2, tiểu khu H, diện tích 3,32ha tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau do bà T1 đứng tên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí. Ông H, bà T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 liên đới trả cho bà Lê Thị T tổng số tiền vốn vay và lãi 124.040.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1 hợp đồng giao khoán đất rừng và diện tích mặt nước tại thửa số 30, khoảnh số 2, tiểu khu H, diện tích 3,32 ha tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (bản chính).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 liên đới chịu 6.202.000 đồng.
- Bà Lê Thị T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 3.123.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003505 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà T được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như